

Lịch ngày làm việc cho năm 2021. (Ukraine)

TIMESLES.COM

Tháng 1

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
53					1	2	3
01	4	5	6	7	8	9	10
02	11	12	13	14	15	16	17
03	18	19	20	21	22	23	24
04	25	26	27	28	29	30	31

Tháng 4

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
13				1	2	3	4
14	5	6	7	8	9	10	11
15	12	13	14	15	16	17	18
16	19	20	21	22	23	24	25
17	26	27	28	29	30		

Tháng 7

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
26				1	2	3	4
27	5	6	7	8	9	10	11
28	12	13	14	15	16	17	18
29	19	20	21	22	23	24	25
30	26	27	28	29	30	31	

Tháng 10

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
39					1	2	3
40	4	5	6	7	8	9	10
41	11	12	13	14	15	16	17
42	18	19	20	21	22	23	24
43	25	26	27	28	29	30	31

Tháng 2

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
05	1	2	3	4	5	6	7
06	8	9	10	11	12	13	14
07	15	16	17	18	19	20	21
08	22	23	24	25	26	27	28

Tháng 5

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
17						1	2
18	3	4	5	6	7	8	9
19	10	11	12	13	14	15	16
20	17	18	19	20	21	22	23
21	24	25	26	27	28	29	30
22	31						

Tháng 8

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
30							1
31	2	3	4	5	6	7	8
32	9	10	11	12	13	14	15
33	16	17	18	19	20	21	22
34	23	24	25	26	27	28	29
35	30	31					

Tháng 11

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
44	1	2	3	4	5	6	7
45	8	9	10	11	12	13	14
46	15	16	17	18	19	20	21
47	22	23	24	25	26	27	28
48	29	30					

Tháng 3

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
09	1	2	3	4	5	6	7
10	8	9	10	11	12	13	14
11	15	16	17	18	19	20	21
12	22	23	24	25	26	27	28
13	29	30	31				

Tháng 6

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
22		1	2	3	4	5	6
23	7	8	9	10	11	12	13
24	14	15	16	17	18	19	20
25	21	22	23	24	25	26	27
26	28	29	30				

Tháng 9

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
35			1	2	3	4	5
36	6	7	8	9	10	11	12
37	13	14	15	16	17	18	19
38	20	21	22	23	24	25	26
39	27	28	29	30			

Tháng 12

#	Th 2	Th 3	Th 4	Th 5	Th 6	Th 7	CN
48			1	2	3	4	5
49	6	7	8	9	10	11	12
50	13	14	15	16	17	18	19
51	20	21	22	23	24	25	26
52	27	28	29	30	31		

Giai đoạn	Số ngày			Giờ làm việc mỗi tuần		
	Lịch ngày	Ngày làm việc	Ngày nghỉ	40 giờ tuần	36 giờ tuần	24 giờ tuần
Tháng 1	31	19	12	152	136.8	91.2
Tháng 2	28	20	8	160	144	96
Tháng 3	31	22	9	176	158.4	105.6
Tháng 4	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 5	31	19	12	152	136.8	91.2
Tháng 6	30	20	10	160	144	96
Tháng 7	31	22	9	176	158.4	105.6
Tháng 8	31	21	10	168	151.2	100.8
Tháng 9	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 10	31	20	11	160	144	96
Tháng 11	30	22	8	176	158.4	105.6
Tháng 12	31	23	8	184	165.6	110.4
1 phần tư	90	61	29	488	439.2	292.8
2 phần tư	91	61	30	488	439.2	292.8
1 nửa năm	181	122	59	976	878.4	585.6
3 phần tư	92	65	27	520	468	312
4 phần tư	92	65	27	520	468	312
2 nửa năm	184	130	54	1040	936	624
1 năm	365	252	113	2016	1814.4	1209.6

1 thg 1, 2021	Ngày đầu năm	20 thg 6, 2021	Lễ Ngũ tuần chính thống
7 thg 1, 2021	Ngày lễ giáng sinh chính thống	21 thg 6, 2021	Ngày lễ Ngũ tuần chính thống
8 thg 3, 2021	Ngày Quốc tế Phụ nữ	28 thg 6, 2021	Ngày hiến pháp
1 thg 5, 2021	Ngày lao động	24 thg 8, 2021	Ngày Quốc Khánh
2 thg 5, 2021	Ngày lễ Phục sinh Chính thống giáo	14 thg 10, 2021	Ngày của hậu vệ
3 thg 5, 2021	Ngày lễ Phục sinh Chính thống giáo	25 thg 12, 2021	Ngày lễ giáng sinh công giáo
9 thg 5, 2021	Ngày chiến thắng	9 thg 5, 2021	ngày kỷ niệm
10 thg 5, 2021	Ngày chiến thắng	10 thg 5, 2021	Ngày tưởng niệm được quan sát